

HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH LÍ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MĨ THUẬT

Nguyễn Thu Tuấn

Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Hiện nay ở Việt Nam mới chỉ có hai cơ sở đào tạo Sau đại học chuyên ngành *Lí luận và Phương pháp dạy học Mĩ thuật*, đó là trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương và khoa Nghệ thuật của trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Chuyên ngành đào tạo này vừa là mới, là non trẻ so với các ngành đào tạo khác, lại vừa là hiếm ở các trường Đại học Sư phạm, vì vậy cần phải có chiến lược, lộ trình thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng của đào tạo chuyên ngành *Lí luận và Phương pháp dạy học Mĩ thuật*, bài viết đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của chuyên ngành đặc thù này.

Từ khóa: Đào tạo Thạc sĩ; chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Mĩ thuật; học viên cao học Mĩ thuật; giảng viên Mĩ thuật.

1. Mở đầu

Vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo (ĐT) Sau đại học (SĐH) luôn được sự quan tâm của toàn xã hội và của chính các cơ sở ĐT - bởi lẽ sản phẩm ĐT của họ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao, góp phần quyết định đến sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, chất lượng ĐT SĐH (trong đó có ĐT Cao học) những năm gần đây không được như mong đợi của những người làm giáo dục (GD) và chưa đáp ứng được kì vọng của xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Trong những năm qua, các cơ sở ĐT giáo viên Mĩ thuật (MT) đã và đang có những thay đổi, cải tiến tích cực, bước đầu khẳng định được chất lượng ĐT của mình [1]. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy những thay đổi đó vẫn chỉ là nhỏ lẻ trong khuôn khổ ĐT mang tính truyền thống, vẫn đang tồn tại nhiều bất cập, làm cho chất lượng ĐT SĐH chưa tương xứng với vị thế của nó. Đối với hệ ĐT SĐH chuyên ngành *Lí luận và Phương pháp dạy học Mĩ thuật* (LL&PPDH MT) hiện nay ở Việt Nam, nó vừa là mới, là non trẻ so với các ngành nghề ĐT khác, lại vừa là hiếm ở các trường ĐHSPT, vì vậy đặt ra yêu cầu cần phải có chiến lược, lộ trình thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng ĐT cho chuyên ngành đặc thù này trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay là rất cần thiết. Trong khuôn khổ bài viết của mình, với mong muốn chất lượng tuyển sinh và ĐT SĐH của chuyên ngành LL&PPDH MT thực sự đạt hiệu quả cao, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong thực tiễn ĐT của chuyên ngành đặc thù này ở Việt Nam, chúng tôi tiến hành phân tích nguyên nhân thực trạng một cách khách quan, khoa học để trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp mang tính đột phá nhằm đổi mới và hoàn thiện, nâng cao chất lượng ĐT SĐH

Ngày nhận bài: 19/2/2018. Ngày sửa bài: 19/3/2018. Ngày nhận đăng: 20/3/2018.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thu Tuấn. Địa chỉ e-mail: thutuan.dhsphn@gmail.com

chuyên ngành LL&PPDH MT, thực hiện thắng lợi sự nghiệp ĐT nhân lực chất lượng cao cho ngành sư phạm (SP) và cho đất nước [2].

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đặc điểm đào tạo Sau đại học chuyên ngành LL&PPDH Mĩ thuật

2.1.1. Số lượng cơ sở đào tạo Sau đại học chuyên ngành LL&PPDH MT và đội ngũ giảng viên Mĩ thuật cơ hữu

- Tính đến thời điểm hiện nay ở Việt Nam mới chỉ có 2 cơ sở ĐT SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT, đó là: Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương (bắt đầu ĐT từ năm 2015, tổng số được hơn 100 học viên của cả bốn khóa học), và khoa Nghệ thuật của trường ĐHSP Hà Nội (bắt đầu ĐT từ năm 2017, với khóa đầu tiên có 6 học viên).

- Đội ngũ giảng viên (GV) MT cơ hữu đủ tiêu chuẩn tham gia giảng dạy cho hệ ĐT SĐH của 2 cơ sở ĐT này là vô cùng ít ỏi. Cụ thể là số lượng GV là Tiến sĩ (TS) và Phó Giáo sư Tiến sĩ (PGS.TS) của trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương chỉ đếm trên đầu ngón tay; của khoa Nghệ thuật trường ĐHSP Hà Nội mới chỉ có 1 PGS.TS và 1 TS. Sự đối lập về số lượng GV MT cơ hữu với số lượng học viên (HV) cho thấy mâu thuẫn càng trở nên bất cập hơn khi trong số đó có một số GV MT không thuộc chuyên môn sâu của lĩnh vực khoa học GD cơ bản và SPMT. Để giải quyết được mâu thuẫn này, chỉ có một con đường duy nhất là phải tạo ra được đội ngũ GV MT cơ hữu có năng lực nghiên cứu (NC) cao về chuyên ngành LL&PPDH MT [3].

Số GV MT cơ hữu này có số giờ dạy ở các loại hình ĐT quá nhiều, vì vậy họ không còn sức lực và nhiều thời gian để dành cho nghiên cứu khoa học (NCKH). Nguyên nhân này có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng ĐT SĐH của chuyên ngành LL&PPDH MT.

2.1.2. Học viên hệ đào tạo Sau đại học chuyên ngành LL&PPDH MT

- Cũng giống như nhiều ngành ĐT SĐH khác, HV SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT chủ yếu là vừa đi học, vừa đi làm [4].

- Đối tượng HV của hệ ĐT SĐH thuộc chuyên ngành LL&PPDH MT rất đa dạng, họ được ĐT đại học (ĐH) về MT có thể từ hệ tại chức, hoặc từ xa, hoặc chính quy của nhiều cơ sở ĐT khác nhau, vì vậy chất lượng chuyên môn và trình độ nghiệp vụ SP không đồng đều. Ngoài đối tượng chủ yếu là các giáo viên đang dạy môn MT ở trường Tiểu học hoặc Trung học cơ sở, còn có một số HV là GV MT của các trường Trung cấp/CĐSP hoặc Cao đẳng Nghệ thuật của tỉnh. Đặc biệt hơn là có một số HV chưa hề đi dạy học một buổi nào, tháng nào, năm nào cũng học ở chuyên ngành này, vì vậy việc NC về dạy học (DH), về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) cũng như mức độ cập nhật thành tựu mới về khoa học GD của các HV này rất hạn chế [5]. Do điểm xuất phát về trình độ khoa học còn thấp, cho nên một số HV MT chưa quen với cách tư duy khoa học, chưa hiểu biết sâu và chưa nắm chắc được phương pháp (PP) làm NCKH; ngoài ra nhiều HV còn vin có, biện bạch rằng do từ trước tới nay họ chủ yếu chỉ được học thực hành (vẽ là chính) nên việc đọc sách và tài liệu chuyên môn gần như là không; thêm nữa kĩ năng viết và hành văn của HV MT rất yếu. Chính vì vậy, nhiều HV không thực sự nỗ lực đầu tư thời gian, tâm sức, trí lực cho học tập và làm luận văn (LV). Mặt khác, suy nghĩ thực dụng của không ít HV là “học giả để lấy bằng thật”, cho nên họ không cần quan tâm tới chất lượng học tập ra sao bởi mục đích chính là lấy được tấm bằng Thạc sĩ, vì thế họ đi học là để cho oai, để thể hiện mình có “đẳng cấp” về học vị (*rất tiếc tư tưởng sai lệch đó lại đang là hiện tượng khá phổ biến trong xã hội hiện nay*).

- Trình độ ngoại ngữ của hầu hết HV SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT chưa đủ khả năng để sử dụng trong NC và học tập chuyên môn (kể cả một số nghiên cứu sinh cũng chưa sử dụng được ngoại ngữ trong đọc tài liệu tham khảo). Đây là một rào cản không nhỏ trong quá trình ĐT SĐH của chuyên ngành đặc thù này.

- Trình độ tin học, khả năng vận dụng công nghệ thông tin của nhiều HV chuyên ngành LL&PPDH MT còn hạn chế. Nhiều HV chỉ đơn thuần biết trình chiếu (chứ không biết thiết kế) PowerPoint khi bảo vệ LV.

Tồn tại và những bất cập trên đây là những khó khăn và là lực cản vô cùng lớn khi các HV MT bắt tay vào NCKH và làm LV; đồng thời đó cũng là những trở ngại, là thử thách không hề nhỏ đối với bất kì GV nào khi tham gia hướng dẫn LV cho các HV MT của chuyên ngành LL&PPDH MT này [6].

2.1.3. Đặc điểm làm bài tốt nghiệp của chuyên ngành LL&PPDH MT

Do đặc thù của chuyên ngành SPMT, HV SDH chuyên ngành LL&PPDH MT vừa phải là người thầy có năng lực viết, nói, truyền thụ kiến thức cho học sinh; vừa phải có tay nghề chuyên môn vững vàng. Vì vậy, cuối khóa học, HV SDH của chuyên ngành này phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ:

- *Bài LV*: Chính là một sản phẩm công trình NCKH với một đề tài cụ thể (quy định phần chính luận của LV tối thiểu 50 trang, tối đa 80 trang).

- *Bài Sáng tác tranh*: Chính là một tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh được thể hiện bằng một trong các chất liệu Sơn dầu, Sơn mài, Lụa, Khắc gỗ. Sau khi hoàn thành tác phẩm đó, HV phải thuyết trình, giải thích ý tưởng chọn đề tài, chọn hình tượng, chọn bố cục, chọn chất liệu sáng tác và phong cách sáng tác v.v... về tác phẩm của mình trước Hội đồng chấm.

Với hai nhiệm vụ nặng nề đó, HV lại phải tiến hành thực hiện đồng thời trong cùng một thời gian, quả thực là khó khăn không nhỏ của HV SDH chuyên ngành LL&PPDH MT. Điều đó làm ảnh hưởng tới kết quả nghiên cứu của HV và chất lượng của LV và bài Sáng tác tranh. Ngoài nguyên nhân chủ yếu thuộc về ý thức kém trong học tập của HV, còn có nguyên nhân thuộc về cơ sở ĐT trong việc đề ra kế hoạch triển khai thực hiện chưa khoa học, chưa chặt chẽ, chưa có chế tài nghiêm khắc đối với HV (trong việc thực hiện các bước đăng ký đề tài; triển khai thực hiện viết LV và làm bài Sáng tác tranh; thực hiện tiến độ thảo luận LV và bảo vệ LV; duyệt phác thảo và thể hiện bài Sáng tác tranh...).

2.2. Công tác tuyển sinh

Thực tế công tác tuyển sinh SDH của chuyên ngành LL&PPDH MT hiện nay cho thấy số lượng thí sinh đăng kí không nhiều so với các ngành nghề khác (*một trong những lí do có ít thí sinh là đối tượng vào học chuyên ngành này chủ yếu là giáo viên MT ở trường phổ thông*). Điều này đặt ra một bài toán hóc búa cho các cơ sở ĐT phải giải quyết một mâu thuẫn khắc nghiệt giữa một bên là tuyển sinh để lấy được người học có năng lực chuyên môn, có năng khiếu (đồng nghĩa với số lượng rất ít ỏi của “đầu vào”) với một bên là người học không có năng lực, không có năng khiếu (đồng nghĩa là các thí sinh đó cứ thi vào là đều trúng tuyển).

Giải pháp cho vấn đề này là:

- Đổi mới hình thức thi và tuyển sinh SDH theo hướng đánh giá năng lực người học. Làm được điều này sẽ vừa đáp ứng được xu hướng hội nhập quốc tế, vừa có thể tuyển đủ chỉ tiêu và đảm bảo chất lượng đầu vào SDH của chuyên ngành LL&PPDH MT [7].

- Tăng cường phát triển các hình thức tuyển sinh và ĐT, như: có cơ chế tuyển thẳng những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi của các trường ĐH MT; có chính sách hợp lí cho những thí sinh có nhu cầu học chuyên đổi một số môn chuyên ngành để họ được thi vào hệ SDH một cách thuận lợi và dễ dàng.

- NC phương thức chuyển đổi hình thức thi tuyển sang hình thức kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển một cách khoa học, hợp lí.

- Thay đổi phương thức tuyển sinh theo phương thức xét tuyển thông qua hội đồng đánh giá hồ sơ chuyên môn kết hợp với phỏng vấn trực tiếp từng thí sinh để đánh giá khả năng NC, kinh

nghiệm NC, phẩm chất, năng lực NC của thí sinh nhằm nâng cao chất lượng tuyển thẳng để tuyển chọn được những thí sinh có năng lực thực sự.

- Đẩy mạnh công tác giới thiệu, tuyên truyền, quảng bá cơ sở ĐT SDH của đơn vị mình (nên giới thiệu trước các hướng NC của cơ sở ĐT để thí sinh tham khảo) nhằm thu hút được nhiều thí sinh giỏi đăng kí dự thi.

2.3. Xây dựng nội dung chương trình đào tạo

Mục tiêu ĐT SDH ở nước ta hiện nay đòi hỏi HV SDH không chỉ trưởng thành, phát triển tư duy khoa học, độ dày, rộng và chiều sâu của hệ thống tri thức được tích lũy mà cần tạo lập được một tư duy độc lập và sức sáng tạo, nó có ý nghĩa to lớn và thiết thực, là động lực trực tiếp giúp HV hoàn thành tốt nội dung, chương trình ĐT SDH [8].

Tuy nhiên, nội dung chương trình ĐT SDH của chuyên ngành LL&PPDH MT vẫn còn nhiều hạn chế, cụ thể là việc hiện đại hóa, cập nhật hóa chương trình ĐT còn nhiều bất cập. Ở một số chuyên đề, nội dung tài liệu chưa cập nhật những thông tin mới; một số học phần không có tài liệu tham khảo cho HV học tập (hoặc là rất ít). Chương trình Cao học không khó nhưng HV phải học rất nhiều khối kiến thức môn chung.

Với những quy định hiện hành thì người học Thạc sĩ dù là học để tiếp tục NC hay để ra đi làm đều bị áp dụng chung một chương trình, cùng một đầu vào tuyển sinh, cùng một yêu cầu tốt nghiệp - đó là sự bất cập, không hợp lí. Điều này dẫn đến hệ lụy là người học nào muốn theo định hướng NC cũng không chuyên sâu được hẳn vào NC, người nào muốn học theo hướng ứng dụng cũng không có điều kiện được ứng dụng cho chuẩn. Cái gì cũng biết một ít nên chất lượng ĐT SDH không tốt [9].

Giải pháp cho vấn đề này là:

- Chương trình ĐT SDH chuyên ngành LL&PPDH MT cần đảm bảo cho HV vừa được tiếp thu kiến thức khoa học chuyên ngành, liên ngành và những kiến thức có tính ứng dụng; vừa được hướng dẫn và thực hiện các PP NC, cách viết bài báo khoa học. Nếu thiết kế nội dung chương trình ĐT theo kiểu “bày cỗ sẵn” thì chắc chắn sẽ hạn chế tính tích cực, chủ động của người học, không kích thích được tư duy độc lập, sáng tạo của HV.

- ĐT SDH chuyên ngành LL&PPDH MT là ĐT một chuyên ngành đặc thù, do đó cần có sự phân bố các học phần một cách hợp lí để thực hiện được yêu cầu “*dạy cái người ta cần, chứ không phải dạy cái mình có*”. Vì vậy, các cơ sở ĐT cần tổ chức rà soát để đổi mới chương trình theo hướng cơ bản - hiện đại - hòa nhập khu vực và quốc tế, gắn ĐT với NCKH, gắn ĐT với khả năng phục vụ xã hội nhằm ĐT nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cụ thể là: cần xem xét lại chương trình các môn chung, các môn chuyên ngành và đặc biệt là các chuyên đề tự chọn cũng như các học phần bắt buộc nhằm bảo đảm tính chuyên sâu và mở rộng hướng NC cho HV; nên giảm bớt hoặc bỏ hẳn một số chuyên đề không còn phù hợp với thực tiễn hoặc không có tác dụng đối với người học, thay vào đó là các chuyên đề mang tính cập nhật, tính ứng dụng, tính tìm tòi sáng tạo.

- Do đối tượng học hệ SDH của chuyên ngành LL&PPDH MT rất đa dạng, cho nên chương trình ĐT SDH của chuyên ngành này cần chia thành 2 loại, đó là: chương trình hướng tới giáo viên phổ thông và chương trình hướng tới những người làm NC, giảng dạy ĐH và Cao đẳng. Hiện nay, vì nhiều lí do khác nhau, cả người dạy và người học khó tìm thấy ý nghĩa ứng dụng cao của kết quả ĐT SDH vào thực tiễn cuộc sống luôn luôn đổi mới. Nếu chia ra 2 loại như trên, ta sẽ có từng chương trình ĐT thiết thực cho từng đối tượng. Sự hữu ích của nó trong việc nâng cao chất lượng ĐT là rõ ràng. Có lẽ vấn đề này chưa thực hiện được bởi các cơ sở ĐT SDH lo ngại về kinh phí khi phải thực hiện cùng một lúc 2 chương trình. Theo chúng tôi, hoàn toàn có thể giải quyết được vấn đề này nếu nghiêm túc tìm giải pháp.

2.4. Phương thức đào tạo và phương pháp giảng dạy

Thực trạng hiện nay cho thấy việc tổ chức học tập và NC của HV SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT chưa đi vào nề nếp. Cụ thể là:

- Do muốn có nhiều người có trình độ khoa học cao trong một thời gian ngắn, muốn đi tắt đón đầu, chạy theo thành tích - trong khi cơ sở hạ tầng ĐT SĐH chưa thật tốt; khâu tuyển sinh chưa thực hiện chặt chẽ việc tuyển chọn đầu vào (người ra đề, người chấm thi lại chính là người bồi dưỡng kiến thức ôn tập cho HV trước khi thi).

- Hầu hết các cơ sở ĐT tổ chức học tập cho HV theo hình thức không tập trung (phần lớn học vào ngày nghỉ cuối tuần); một số GV dạy trên lớp thường không đủ thời lượng (do GV tự cắt xén); người học chưa có thói quen năng động trong việc tự học, tự NC, chưa thực sự dành thời gian thích đáng cho NCKH; việc hướng dẫn HV tự học chưa sát sao; yêu cầu đảm bảo chất lượng chuyên môn đối với người học chưa đúng mức, còn quá thiên về thương cảm đối với người học; việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV còn sơ sài và mang tính hình thức.

- Do trình độ ngoại ngữ của HV không đồng đều nên chương trình ĐT SĐH còn dành quá nhiều thời gian cho việc học ngoại ngữ trên lớp (lẽ ra chương trình đó phải được học ở bậc ĐH; hoặc HV SĐH phải tự hoàn thành trình độ ngoại ngữ theo quy định của Bộ GD-ĐT trước khi nhập học; trước khi bảo vệ LV, người học sẽ phải thi ngoại ngữ đó theo yêu cầu của cơ sở ĐT và của Bộ GD-ĐT).

- PPGD hệ ĐT SĐH chưa được cải tiến nhiều, vẫn nặng về thuyết trình truyền đạt kiến thức, chưa chú ý dạy theo PP NC.

Giải pháp cho vấn đề này là:

- Phương thức ĐT cần chuyển mạnh theo hướng tăng cường seminar, kích thích tư duy độc lập, sáng tạo của HV. Về PPGD, cần loại dần kiểu thuyết giảng đơn thuần. DH ở bậc SĐH không chỉ là việc trang bị tri thức cho HV mà còn là dạy PP tạo ra những tình huống có vấn đề, phát hiện và giải quyết vấn đề... giúp người học phải tập trung suy nghĩ, tìm tòi lời giải, làm cho người học năng động hơn, sáng tạo hơn; đó còn là cách dạy cho HV PP tự học, tự NC, buộc họ phải khai thác tư liệu, biết xử lí thông tin; tăng cường việc học qua thực nghiệm, qua thư viện. Thực tiễn DH cho thấy phương thức dạy của thầy, cách đánh giá của thầy có ảnh hưởng rất lớn đến cách học của HV.

- Chú trọng bồi dưỡng cho GV về cả PPGD; về thiết kế bài giảng; về thực hành các kĩ thuật SP trong giảng dạy; và kiểm tra, đánh giá.

- Ban hành quy định về đánh giá LV. Đề cao trách nhiệm của hội đồng chấm LV để đảm bảo tính khách quan và khoa học.

- Cần hoàn thiện hệ thống giáo trình, chuyên đề, các tài liệu NC... nhằm phục vụ thật tốt cho công tác ĐT SĐH của chuyên ngành LL&PPDH MT. Đây là việc làm đặc biệt cần thiết với các ngành nghệ thuật nói chung và ngành SPMT nói riêng vốn thiên về thực hành (vẽ là chính), ít lưu tâm tới NC lí luận.

- *Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho HV SĐH:* Trong xu thế hội nhập hiện nay, ngoại ngữ là công cụ không thể thiếu, là cánh cửa mở ra nền tri thức nhân loại. Đặc biệt với các nhà NCKH, ngoại ngữ là công cụ để cập nhật thông tin, kiến thức mới, góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập toàn cầu. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy trình độ ngoại ngữ của hầu hết HV SĐH đều rất thấp - trong đó có HV chuyên ngành LL&PPDH MT (thấp xa so với yêu cầu của thực tế xã hội đòi hỏi, cũng như chính yêu cầu của bản thân người học), họ chưa đủ khả năng để sử dụng ngoại ngữ trong NC và học tập chuyên môn. Đây là một hạn chế không nhỏ trong quá trình học tập để tiếp cận các giáo trình và tài liệu của nước ngoài. Để khắc phục nhược điểm này, mới đây Bộ GD-ĐT đã có quy định chuẩn hóa trình độ ngoại ngữ tiếng Anh trước khi HV SĐH vào học năm đầu

tiên (yêu cầu cấp độ B1 theo khung tham chiếu châu Âu) và trước khi bảo vệ LV (yêu cầu cấp độ cao hơn).

Việc tổ chức mời các giáo sư nước ngoài về giảng bài cho HV SĐH hoặc nếu có thể được thì thực hiện “xã hội hóa” việc cho HV đi thực tế, dự hội thảo khoa học tại nước ngoài... sẽ góp phần nâng cao trình độ ngoại ngữ của HV cũng như giúp họ có điều kiện giao lưu quốc tế ở lĩnh vực NCKH.

- Các cơ sở ĐT cần kết nối với nhau để tổ chức hội thảo khoa học quốc gia về ĐT SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT để thống nhất định hướng trong ĐT và đề ra những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng ĐT, phục vụ đổi mới GD; đề xuất một cơ chế phối hợp giữa các cơ sở ĐT để thống nhất chuẩn quốc gia trong ĐT SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT; xác định những hướng NC trong ĐT của chuyên ngành này từ nay đến năm 2020-2025 để tiếp cận với GD quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay.

- *Đổi mới PPGD ở bậc Cao học*: Để góp phần nâng cao chất lượng ĐT SĐH, cần phải đổi mới từ người dạy và đổi mới cả từ người học. Cụ thể là:

+ *Đổi mới từ người dạy*: GV phải là người đổi mới đầu tiên về PPGD của mình. Ở bậc ĐT SĐH không đơn thuần là dạy và giảng như ở bậc phổ thông, không thể tồn tại tình trạng “Cao học đọc - chép”, mà phải giảng theo hướng gợi mở và định hướng cho HV. GV không cần phải nói lại những vấn đề mà giáo trình đã có, chỉ cần nêu và định hướng vấn đề để HV tự tìm đọc những kiến thức nêu trong giáo trình và các tài liệu khác. Khi lên lớp, HV sẽ tự trình bày những kiến thức mình đã đọc, đã học theo cách riêng của cá nhân mình. GV tổ chức cho HV thảo luận, phân tích (thậm chí là tranh luận về mặt khoa học) rồi đưa ra kết luận. Với PP phát huy tính chủ động, độc lập, sáng tạo và hợp tác này, bắt buộc cả người dạy và người học phải làm việc thực sự, qua đó người học không chỉ nắm chắc được kiến thức mà còn mở rộng, đào sâu được vấn đề NC. Cũng chính vì vậy, GV luôn phải nắm bắt, cập nhật kịp thời những thông tin, kiến thức mới nhất và phải NC thực sự để đồng hành cùng HV.

+ *Đổi mới từ người học*: Việc đầu tiên là HV phải học cách NC chứ không phải học thuộc bài (có nghĩa là phải học cách làm việc chủ động, độc lập). Yêu cầu cao nhất đối với HV SĐH là sự sáng tạo. HV phải tự đọc sách, NC tài liệu. Ngoài việc phải hoàn thành các chuyên đề bắt buộc trong chương trình học thì HV phải có những NC riêng, phải tự tìm ra đề tài để làm thành các bài tập nhỏ, bài tập lớn, tiểu luận v.v... Chính PP tự NC này sẽ rèn luyện cho HV có tính độc lập, chủ động, sáng tạo và phát huy được hết khả năng của mình trong học tập và NC, qua đó GV có thể đánh giá được năng lực nổi trội của HV và có PP phát triển phù hợp cho HV (bởi lẽ, ở trình độ SĐH, HV không những chỉ phát triển mọi mặt theo chiều rộng mà phải đi vào NC phát triển theo chiều sâu).

- *Đổi mới PP NC*: Chúng ta vẫn quen với nếp suy nghĩ là NCKH luôn luôn phải đi đến chân lí và chỉ có một con đường để đạt được kết quả. Người học lại càng bị ảnh hưởng bởi lối tư duy và cách giải quyết vấn đề như thế. Vì vậy, khi đi vào NC, HV vẫn bị lệ thuộc vào người thầy hướng dẫn, họ vẫn còn tâm lí tự ti, sợ sai, không dám đưa ra những ý kiến mới và cách làm mới. Mặt khác, vẫn còn nhiều thầy hướng dẫn LV thích đi theo lối cũ, vì thế thầy không thích (hay vì một lí do nào đó) nên không chấp nhận sự đổi mới trong NC của HV (mặc dù kết quả NC đó của HV hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với thực tiễn). Hoặc thầy hướng dẫn có tính áp đặt cho rằng vấn đề này thì phải thế này mà không thể thế khác, thầy chỉ chấp nhận khi NC ra một kết quả với một hướng giải quyết duy nhất này mà không thể có cách giải quyết thứ hai (trong khi vấn đề đó có nhiều cách NC và có nhiều hướng giải quyết khác nhau đạt hiệu quả hơn) [10].

Theo suy nghĩ của chúng tôi, cả người hướng dẫn và cả HV đều phải đổi mới và có những bước đột phá trong PP NC, trong cách tiếp cận vấn đề và giải quyết vấn đề. HV phải chủ động,

sáng tạo trong khi NC, và người thầy phải biết khuyến khích, động viên và biết chấp nhận điều đổi mới hợp lí của người học trò.

2.5. Triển khai và thực hiện luận văn

Viết và bảo vệ LV là nhiệm vụ quan trọng nhất của HV Cao học, đồng thời đó cũng chính là tiêu chí khách quan để đánh giá năng lực, trình độ, khả năng tư duy của mỗi HV. Thông qua quá trình triển khai và thực hiện LV, HV sẽ có điều kiện, cơ hội thể hiện năng lực tư duy, sự độc lập, sáng tạo của mình [11].

Tuy nhiên, thực tế công tác ĐT SDH chuyên ngành LL&PPDH MT của một vài cơ sở ĐT cho thấy nhiều bất cập nhưng chưa được giải quyết kịp thời và dứt điểm, làm ảnh hưởng tới uy tín, thương hiệu của đơn vị ĐT trước con mắt người học và dư luận xã hội. Cụ thể như: Cơ sở ĐT áp đặt HV phải nhận tên đề tài NC nhưng đề tài đó HV không hiểu gì hoặc không phù hợp với khả năng của HV; áp đặt người hướng dẫn LV (trong khi bản thân người hướng dẫn không có thể mạnh hay hiểu chuyên sâu về vấn đề đó); nhiều thành viên của hội đồng duyệt và thông qua đề cương chi tiết (cũng như thành viên ở hội đồng chấm LV) không am hiểu sâu về chuyên môn thuộc lĩnh vực của các đề tài NC - đặc biệt là về vấn đề dạy và học MT ở trường phổ thông v.v...

Giải pháp cho vấn đề này là:

- *Đổi mới cách thức giao đề tài cho HV:* Để lựa chọn được đề tài phù hợp với hướng NC, HV phải trải qua quá trình hoạt động trong thực tiễn và từ thực tiễn, cũng như phải trải qua quá trình tích lũy kiến thức của hoạt động trí tuệ công phu và nghiêm túc cùng với những thành tựu, kinh nghiệm của cá nhân trong quá trình tích lũy hoạt động khoa học trước đó. Vì vậy, để khơi dậy và phát huy tối đa tư duy độc lập, sáng tạo của HV khi triển khai thực hiện LV, các cơ sở ĐT SDH cần khuyến khích, động viên HV phát huy tính tích cực, chủ động và mạnh dạn trong việc lựa chọn hướng NC cũng như lựa chọn đề tài LV. Tuyệt đối không nên áp đặt HV buộc phải lựa chọn nội dung NC này nọ và buộc phải nhận đề tài LV do cơ sở ĐT giao cho. Tuyệt đối không áp đặt GV phải hướng dẫn những đề tài mà họ không am hiểu sâu sắc.

Về phía HV: Phải nắm vững các khâu, các bước chuẩn bị cho quá trình NC, như: Tự đánh giá được khả năng NC của mình để có phương án phù hợp trong việc lựa chọn đề tài; đề tài phải phù hợp với ngành nghề chuyên môn; cùng đó, phải phản ánh được tri thức và kinh nghiệm mà mình đã tích lũy trong quá trình công tác; tính cấp thiết và ý nghĩa của đề tài thể hiện như thế nào; đề tài có bị trùng lặp với các đề tài đã được bảo vệ hay những công trình khoa học đã được công bố v.v... Nếu làm tốt được những khâu này sẽ giúp HV tránh được các sai sót, lúng túng khi triển khai thực hiện đề tài LV.

- *Đổi mới việc góp ý và duyệt đề cương chi tiết LV:* Khi góp ý và thông qua đề cương chi tiết LV của HV, cơ sở ĐT SDH cần coi đây là một buổi thảo luận khoa học thực thụ, tạo điều kiện để HV và người hướng dẫn khoa học được tranh luận và nêu chính kiến của mình.

Để giảm tải khối lượng làm việc (một cách không cần thiết) cho các thành viên trong Hội đồng góp ý và duyệt đề cương chi tiết LV, thiết nghĩ cơ sở ĐT cần giao nhiệm vụ cho GV nào dạy học phần *Phương pháp NCKH GD* khi kết thúc học phần thì từng HV phải có được tên đề tài LV và đề cương chi tiết. Muốn cho đề cương LV đảm bảo được chất lượng trước khi đưa ra Hội đồng góp ý thì yếu tố trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp của GV dạy học phần *Phương pháp NCKH GD* đóng vai trò quan trọng, cụ thể là: ngoài việc cung cấp kiến thức của môn học này, GV phải hướng dẫn, chỉ bảo, giao bài tập, sửa bài tập cho HV để các em biết cách tìm chọn và đặt tên đề tài LV cho đúng và biết làm đề cương chi tiết của LV.

- *Về cơ cấu tham gia hội đồng góp ý đề cương:* Ngoài các thành viên đúng chuyên ngành, cơ sở ĐT nên mời các chuyên gia cùng chuyên ngành ở các cơ sở ĐT khác có liên quan đến nội dung của đề tài NC nhằm giúp cho các đề cương NC đi đúng hướng, phù hợp với mã ngành ĐT, xác định đúng nhiệm vụ, nội dung NC và các PP NC phù hợp với đề tài. Việc tư vấn của các chuyên

gia là hết sức quan trọng, đảm bảo cho các đề tài NC không đi theo “lối mòn”, không có sự sao chép, khơi gợi được tính sáng tạo của HV; mặt khác cũng là để đảm bảo cho các đề tài không đi chệch hướng khi NC về những vấn đề như: phát hiện, giải quyết những tồn tại, khó khăn, yếu kém của DH, hoặc những vấn đề cấp bách đang đặt ra cho lí luận cũng như thực tiễn GD và DH hiện nay phải giải quyết.

Về phía HV: Để đảm bảo việc xây dựng đề cương chi tiết mang tính khoa học và hợp lí, đòi hỏi HV (dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn) phải thể hiện được ý tưởng của cá nhân, khả năng tư duy sáng tạo, bản lĩnh và năng lực độc lập trong NCKH (qua việc xác định tính cấp thiết, mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi NC, cơ sở lí luận, cơ sở thực tiễn và PP NC; xác định rõ hướng NC cũng như cấu trúc của LV...).

2.6. Đánh giá luận văn

Hiện nay, cách thức và PP đánh giá LV Thạc sĩ chưa có quy định và cơ chế rõ ràng để buộc các thành viên trong Hội đồng chấm LV có trách nhiệm đánh giá một cách khách quan, công minh. Vì thế, việc đánh giá đôi khi chưa phản ánh đúng thực chất chất lượng LV, nhiều thành viên trong hội đồng chấm LV có biểu hiện dễ dãi, biểu dương một cách thái quá, không đúng thực chất trình độ, năng lực của HV, cho điểm đánh giá LV quá cao (hầu hết đều là giỏi và xuất sắc), vì thế không có ý nghĩa phân loại đúng thực lực HV [12].

Giải pháp cho vấn đề này là:

- Đánh giá LV cần dựa trên những tiêu chí đánh giá cụ thể, cần nhấn mạnh tới *tính mới và tính sáng tạo* của công trình NC. Một công trình NC có thể đầy đủ toàn diện nhưng không thể hiện được *tính mới* thì giá trị khoa học không cao.

- Chất lượng các LV được thể hiện ở kết quả đánh giá. Do vậy, muốn phản ánh thực sự chất lượng các LV Thạc sĩ chuyên ngành LL&PPDH MT thì điểm số mà HV nhận được phải phù hợp với điểm số thực của LV. Muốn vậy, đòi hỏi phải hạn chế các yếu tố chủ quan từ phía người chấm (*về chuyên môn; về quan hệ cá nhân; về tâm trạng; về sức khỏe...*) làm ảnh hưởng đến độ sai lệch giữa điểm thực và điểm ảo.

- Đánh giá công trình LV Thạc sĩ cũng cần giúp cho HV suy nghĩ về hướng ứng dụng kết quả NC vào thực tiễn. Khi đánh giá, các thành viên Hội đồng nên khuyến khích những LV mà nội dung có hướng phát triển trong các NC tiếp theo thuộc lĩnh vực chuyên ngành LL&PPDH MT.

- *Giảng viên cần nâng cao trình độ đánh giá phần thực nghiệm SP của LV*: Thực nghiệm SP là một việc quan trọng và là trọng tâm của NCKH GD nói chung, trong đó có chuyên ngành LL&PPDH MT. Thực nghiệm SP được coi là PP chủ công trong NCKH hiện đại, thành công của nó sẽ góp phần tạo nên một lí thuyết mới. Kết quả thực nghiệm SP là kết quả khách quan nhất (so với các kết quả NC bằng các PP khác) bởi nó đem lại những kết quả quan trọng và chính xác, cụ thể là: kiểm chứng độ tin cậy, tính đúng đắn của giả thuyết NC, khẳng định khả năng vận dụng nhanh chóng các kết quả NC vào thực tiễn ĐT, đánh giá được trình độ, kĩ thuật thực hành NC và khả năng tư duy của người làm khoa học. Tuy nhiên, do nhiều lí do khách quan và chủ quan, nhiều GV chưa am hiểu sâu sắc về thực nghiệm SP (vì họ chưa bao giờ làm các đề tài NCKH về lĩnh vực DH, hoặc họ chưa đầu tư thời gian và tâm trí NC tài liệu, sách vở để hiểu thế nào là thực nghiệm SP, và khi thực nghiệm SP phải làm gì và làm như thế nào...) vì thế khi hướng dẫn LV cũng như khi đánh giá LV, các GV này thường bỏ qua hoặc đánh giá rất hời hợt, không thỏa đáng (thậm chí là đánh giá sai) phần thực nghiệm SP. Vì vậy, để đảm bảo và nâng cao chất lượng LV của chuyên ngành LL&PPDH MT, rất cần lãnh đạo các cơ sở ĐT SĐH hết sức quan tâm, chú trọng chỉ đạo, giám sát cả GV hướng dẫn lẫn HV phải thực hiện nghiêm túc, bài bản, đúng PP, đúng quy trình trong phần thực nghiệm SP [3].

2.7. Gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo

NCKH và giảng dạy là hai nhiệm vụ quan trọng của người GV trong trường ĐH. Với cương vị là người DH, các nhà SP có nhiều trăn trở với những bất cập, mâu thuẫn của thực tế ĐT và nhiều vấn đề khác cần giải quyết. Tất cả điều đó đều có thể trở thành những vấn đề đề NC. Suy cho cùng, mọi NC đều nhằm tới việc ứng dụng để giải quyết những vấn đề của thực tiễn ĐT - trong đó có việc giảng dạy cho bậc ĐT SDH và hướng dẫn viết LV/luận án [13].

Là GV, khó có thể giảng dạy tốt nếu thiếu NCKH. Hoạt động NCKH của các trường ĐH góp phần không nhỏ trong việc nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn của GV, giúp họ nuôi dưỡng kiến thức cho việc DH để đưa vào giảng dạy những kiến thức mới nhất. Thông qua hoạt động NCKH, các GV có điều kiện tiếp cận với thực tiễn và tổng kết thực tiễn. Những kết quả NCKH đã đóng góp một phần lớn vào việc chỉnh lí, biên soạn các bài giảng, giáo trình giảng dạy. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay cho thấy có khá nhiều GV MT tốt nghiệp ĐH, Cao học về MT không phải từ gốc trường SP, vì vậy họ chưa được ĐT cơ bản về NCKH một cách chính thống; cộng thêm sự chưa tâm huyết, chuyên tâm, say mê hết mình với NCKH; mặt khác, do đặc thù nghề nghiệp là chủ yếu thiên về thực hành (vẽ là chính) cho nên họ rất ngại đọc sách, ngại làm NCKH, thậm chí ngại viết bài báo khoa học của chính chuyên ngành mình (mặc dù đây là một trong những nhiệm vụ bắt buộc của người GV dạy ở trường ĐH). Vì vậy, số lượng công bố bài báo khoa học cũng như công trình NCKH của rất nhiều GV MT hầu như chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Giải pháp cho vấn đề này là:

Mở rộng và tăng cường sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực NCKH và ĐT SDH với các nhà khoa học, các cơ sở ĐT danh tiếng của khu vực và quốc tế là việc làm có ý nghĩa góp phần nâng cao chất lượng ĐT SDH của chuyên ngành LL&PPDH MT.

- Thiết lập một mạng lưới các nhà khoa học nước ngoài giúp đỡ chúng ta trong NCKH và ĐT SDH.

- Tranh thủ tối đa sự giúp đỡ của các trường ĐH lớn ở các nước phát triển, mở rộng các loại hình hợp tác ĐT với các trường ĐH đó nhằm nâng cao chất lượng nguồn lực hiện có của đơn vị mình. Có thể nói, đây là mục tiêu chính mà các cơ sở ĐT SDH cần hướng tới trong việc hợp tác ĐT SDH với nước ngoài.

- Tạo điều kiện cho GV dạy hệ SDH có nhu cầu đi hội thảo, đi học tập, đi tu nghiệp định kì tại nước ngoài. Nên chăng mỗi GV cần phải nghỉ dạy một học kì để: hoặc NC tại chỗ, hoặc đi thỉnh giảng hay NC ở một số trường ĐH tiên tiến. Đó là cách làm tốt để nâng cao kiến thức, học hỏi PPGD và hội nhập với các nước tiên tiến.

- Mở các lớp Cao học chuyên ngành LL&PPDH MT do các giáo sư nước ngoài trực tiếp giảng dạy. Bằng hình thức này, GV của cơ sở ĐT được học hỏi những kiến thức mới và PPGD mới từ các giáo sư nước ngoài.

- Sứ mạng của NCKH là sản sinh ra tri thức mới, tạo động lực thúc đẩy và phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính vì sứ mạng và đặc điểm như vậy nên NCKH thường gắn với ĐT nguồn nhân lực - đặc biệt là nguồn nhân lực bậc cao (Thạc sĩ, Tiến sĩ). Điều đó đòi hỏi đội ngũ GV phải tích cực hoạt động NCKH và phải có nhiều sản phẩm khoa học (công bố các công trình NCKH, các sản phẩm đăng kí phát minh, các bài báo khoa học, tham gia các hội thảo khoa học quốc tế...) [14]. Hành động thiết thực là:

- GV MT phải nhận thức đúng đắn rằng quá trình NCKH đóng góp không nhỏ trong việc nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn của GV, giúp họ nuôi dưỡng kiến thức để đưa vào giảng dạy. Vì vậy, mỗi GV cần cố gắng vượt qua những khó khăn trước mắt để tận dụng thời gian dành cho NCKH. Nếu người GV tích cực trong hoạt động NCKH sẽ tự nâng tầm NC và trình độ chuyên môn cho chính mình.

- Tổ chức cho HV tham gia làm đề tài NCKH, tham gia viết bài báo khoa học, hội thảo khoa học cũng là một trong các biện pháp rất có hiệu quả trong ĐT SDH của chuyên ngành LL&PPDH MT. Thực tế cho thấy, các đề tài NCKH thuộc chuyên ngành này chủ yếu gắn với thực tiễn DH ở phổ thông (bởi nhà trường phổ thông là công xưởng thực hành của các trường/khoa SP). Vì có các HV đang trực tiếp DH ở nhà trường phổ thông cũng tham gia NC đề tài của GV, cho nên đây là một thuận lợi lớn cho cả thầy và trò (từ việc nắm bắt nhu cầu DH của giáo viên và học sinh ở các trường phổ thông đến việc khảo sát giờ dạy; trung cầu ý kiến; thực nghiệm thiết kế giáo án; và tổ chức dạy thực nghiệm v.v...). Với tư cách là người hoạt động thực tiễn, các HV trở thành người cộng sự đắc lực cùng làm việc với thầy để có kết quả NC sát thực tế và đạt hiệu quả cao. Thông qua đó đem lại lợi ích cho HV là họ được trưởng thành và rèn luyện tư duy khoa học và các kỹ năng NCKH, có khả năng phân biệt một báo cáo sáng kiến kinh nghiệm với một bài báo khoa học, một LV khoa học, và cao hơn là họ có năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tế DH bằng NCKH.

- *Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người quản lí*: Phải coi hoạt động NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với mỗi GV, vì vậy các nhà quản lí cần áp dụng những biện pháp hữu hiệu để mọi GV phải tham gia các hoạt động NCKH, có thể lấy kết quả NCKH của GV là một trong những tiêu chuẩn cứng trong việc đánh giá, xếp loại thi đua cuối học kì và cuối năm học. Chú trọng nâng cao năng lực NCKH cho GV thông qua các hoạt động như: tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn về PP NCKH; tổ chức các hội thảo khoa học; tăng cường hợp tác NCKH với các nhà khoa học có uy tín để GV được học hỏi; tổ chức các buổi tọa đàm về những đổi mới, những thành tựu mới, những hướng NC mới; có chính sách khuyến khích, khen thưởng kịp thời những GV tích cực tham gia NCKH.

2.8. Tăng cường giáo dục tính trung thực, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học cho học viên

Việc GD tính trung thực trong NCKH cho HV SDH không những có vai trò trực tiếp góp phần phát huy tư duy độc lập, sáng tạo trong thực hiện LV mà còn giúp họ hình thành nên tính cách của nhà khoa học tương lai với đầy đủ phẩm chất: *đức, trí, tài, tâm* và *tâm*. Vì vậy, các cơ sở ĐT SDH cần làm cho mỗi HV hiểu rằng việc sao chép, “cắt, dán” LV là không trung thực trong NCKH, là vi phạm đạo đức nghề nghiệp của nhà khoa học.

Nhằm góp phần hạn chế sự trùng lặp đề tài cũng như sự sao chép, “cắt, dán” tài liệu của HV, cơ sở ĐT SDH nên công bố danh mục các đề tài LV Thạc sĩ đã được bảo vệ, qua đó HV có thể tham khảo để tìm ra những khía cạnh mà các NC trước đó chưa giải quyết đầy đủ, đồng thời tránh sự trùng lặp đề tài.

Bên cạnh việc nâng cao nhận thức về tính trung thực trong NCKH cho HV, các cơ sở ĐT SDH cần xây dựng chế tài nhằm răn đe và xử lí nghiêm minh những trường hợp HV cố tình vi phạm. Hiện nay Bộ GD-ĐT đang phối hợp với một số cơ sở ĐT xây dựng phần mềm chống đạo văn để hỗ trợ việc chống gian lận trong ĐT SDH và NCKH. Chúng tôi đồng tình quan điểm “*Cách để chống lại gian dối là phạt thật nặng những tác giả của nó*”. Tất nhiên, việc phạt thật nặng chỉ là biện pháp cuối cùng. Đối với một số chủ thể chưa tự giác, muốn có đủ căn cứ, chế tài để phạt thật nặng những người vi phạm thì quy chế phải quy định thật cụ thể, chặt chẽ và chi tiết. Đó là bài toán không dễ có ngay lời giải, do vậy Bộ GD-ĐT và các cơ sở ĐT SDH cần tiếp tục NC, hoàn thiện những văn bản quy định để quản lí hiệu quả vấn đề này.

2.9. Nâng cao hiệu quả công tác quản lí, kiểm tra, giám sát

Quản lí, kiểm tra, giám sát được coi là nhiệm vụ quan trọng, là một trong những nội dung then chốt nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng ĐT nói chung và ĐT SDH nói riêng trong bối cảnh xã hội nước ta hiện nay. Đây là vấn đề đã và đang nổi cộm ở các trường ĐH, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà quản lí GD và những người quan tâm đến nền GD nước nhà. Biểu hiện của sự

yếu kém, thiếu trách nhiệm này là: Một vài cơ sở ĐT Nghệ thuật phân công một GV hướng dẫn quá nhiều LV là sai quy chế ĐT SĐH; cũng như việc bố trí những GV MT chỉ có bằng Thạc sĩ dạy các môn lí thuyết chuyên ngành và dạy các môn thực hành (như Hình họa, BỐ cục, Chất liệu...) ở hệ ĐT SĐH là vi phạm điều 35 trong chương 5 của “*Quy chế ĐT Thạc sĩ*” do Bộ GD-ĐT ban hành [15].

Giải pháp cho vấn đề này là:

- Thực trạng hiện nay cho thấy, việc kiểm tra, giám sát chất lượng tự học, tự NC và thực hiện tiến độ làm LV của HV ở một số cơ sở ĐT Nghệ thuật bậc SĐH còn buông lỏng, thực hiện chưa hiệu quả. Vì vậy, cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và khoa/phòng SĐH với khoa ĐT chuyên ngành LL&PPDH MT để giám sát, kiểm tra người dạy trong việc thực hiện nội dung chương trình như thế nào; kiểm tra các ban/phòng và các chuyên viên phụ trách từng đầu việc xem họ thực hiện tiến độ và hiệu quả công việc ra sao, nhất là giai đoạn cuối khóa học và giai đoạn HV chuẩn bị bảo vệ LV.

- Đã đến lúc các cơ sở ĐT SĐH cần rà soát lại đội ngũ GV (về bằng cấp, về sức lực và trí lực của họ) để cân nhắc việc phân công giảng dạy cho hợp lí. Cụ thể là: Theo quy định của Bộ GD-ĐT, TS không được hướng dẫn quá 3 HV; PGS hướng dẫn không quá 5 HV. Nếu cơ sở ĐT SĐH nào phân công giảng dạy không đúng quy chế hoặc phân công hướng dẫn HV vượt số lượng quy định/GV thì chắc chắn sẽ bị Bộ GD-ĐT nhắc nhở, phê bình, thậm chí là bắt dừng ĐT. Hệ lụy của phân công giảng dạy không đúng đối tượng cũng như phân công hướng dẫn LV vượt mức quy định sẽ làm giảm chất lượng ĐT của bậc học này; ngoài ra, hậu quả của sự bất cập này, sớm hay muộn cũng sẽ gây mất đoàn kết nội bộ, từ đó làm giảm uy tín và thương hiệu của cơ sở ĐT.

2.10. Cơ sở vật chất phục vụ cho dạy và học

- Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng cơ sở vật chất và các điều kiện phục vụ cho ĐT SĐH của nhiều cơ sở ĐT chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho dạy và học (về phòng học chuyên môn, phòng NC, phòng sáng tác và các trang thiết bị, máy móc hiện đại).

- Thư viện của các cơ sở ĐT SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT chưa có nhiều đầu sách, tài liệu, tranh, ảnh...

Giải pháp cho vấn đề này là:

Trước những hạn chế về cơ sở vật chất như vậy, các cơ sở ĐT SĐH cần năng động, sáng tạo tìm ra các giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng trang bị cơ sở vật chất phục vụ ĐT SĐH của chuyên ngành LL&PPDH MT. Cụ thể là:

- Tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất hiện đại (trang thiết bị, phương tiện học tập, giảng dạy...) đầy đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng tốt việc dạy và học của chuyên ngành LL&PPDH MT tại các cơ sở ĐT SĐH.

- Đầu tư cho thư viện nhiều sách chuyên môn MT và các tài liệu nhằm phục vụ tốt cho HV có thể dễ dàng, thuận tiện tra cứu tài liệu học tập và thực hiện viết LV.

2.11. Thảo luận

Thực tế hiện nay cho thấy ĐT SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT đang tồn tại nhiều bất cập (việc tuyển sinh gặp nhiều khó khăn; nội dung chương trình ĐT chưa phù hợp với thực tiễn; phương thức ĐT còn lạc hậu; nhiều GV MT không theo kịp và không đáp ứng được yêu cầu đổi mới GD ĐT SĐH hiện nay...). Thực trạng không mấy sáng sủa này đang là một bài toán nan giải, đòi hỏi các cơ sở ĐT SĐH của chuyên ngành này cần nhìn thẳng vào sự thật một cách khách quan, khoa học để phân tích, đánh giá những hạn chế của đơn vị mình.

Theo quan điểm của chúng tôi, hệ thống ĐT SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT phải là hệ thống mở (mở trong tuyển sinh, trong ĐT, trong quan hệ và hội nhập quốc tế), phải nằm trong mối quan hệ biện chứng, bổ sung cho nhau. Đồng thời cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp mang

tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng ĐT. Cho dù thực hiện theo mô hình nào, cách thức nào thì chúng ta đều phải chú trọng giải quyết vấn đề CHẤT LƯỢNG một cách đồng bộ và có quy trình hợp lý với mối quan hệ tác động qua lại giữa các yếu tố cấu thành, đó là: *Tuyển sinh --> Chương trình ĐT --> Phương thức ĐT --> Năng lực của đội ngũ GV --> Cơ sở vật chất --> Kiểm tra, đánh giá --> Kiểm định chất lượng ĐT*. Có như vậy ĐT SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT mới hi vọng đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay.

3. Kết luận

Thời kì đầy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu ĐT nhân lực trình độ SĐH càng trở nên quan trọng và cấp thiết, vì vậy ĐT nguồn nhân lực có trình độ cao SĐH với trọng trách là “quốc sách của quốc sách” cần được ưu tiên đầu tư và hiện đại hóa nhanh chóng trước một bước để các cơ sở ĐT SĐH (trong đó có ĐT SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT) trở thành mũi nhọn trong ĐT nguồn nhân lực trình độ cao của đất nước.

Chất lượng ĐT luôn luôn là yếu tố sống còn của một cơ sở ĐT. Ngày nay, chất lượng ĐT SĐH còn là “thương hiệu” của cơ sở ĐT. Do đó, chăm lo để không ngừng nâng cao chất lượng ĐT SĐH rất cần có sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ, chặt chẽ, liên tục giữa Bộ GD-ĐT và các cơ sở ĐT SĐH chuyên ngành LL&PPDH MT cùng các ban, ngành chức năng liên quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thu Tuấn, 2017. *Identifying inadequacies in training Fine Arts students in education universities*, HNUE Journal of Science - Educational Sciences, Volume 62, Issue 12, 2017, pp.187-197. (Nhận diện những bất cập trong công tác đào tạo sinh viên Mỹ thuật ở các trường sư phạm hiện nay). Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội, xuất bản bằng tiếng Anh, Số 12/2017, tr.187-197.
- [2] Đặng Ngọc Phúc, 2014. *Đổi mới và hoàn thiện quá trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo hướng đảm bảo chất lượng*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 104, (tháng 5/2014), tr.48-51.
- [3] Nguyễn Thu Tuấn, 2018. *Thực trạng đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật tại một số cơ sở đào tạo Nghệ thuật*. Tạp chí Giáo dục và Xã hội, Số tháng 1/2018.
- [4] Nguyễn Thị Thanh, 2011. *Đặc điểm học tập của học viên Thạc sĩ Quản lý Giáo dục*. Tạp chí Quản lý Giáo dục, Số 28, (tháng 9/2011), tr.38-41.
- [5] Nguyễn Đăng Nghị, 2017. *Đào tạo Sau đại học ngành Âm nhạc - cái nhìn vòng xuyên*. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Số 391, (tháng 1/2017), tr.63-65.
- [6] Nguyễn Thu Tuấn, 2018. *Kinh nghiệm đào tạo giáo viên Mỹ thuật của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam*. Tạp chí Dạy và học ngày nay, Số tháng 1/2018.
- [7] Nguyễn Khắc Bình, 2012. *Vài nét về đào tạo Thạc sĩ tại Hàn Quốc*. Tạp chí Giáo dục, Số 282, (tháng 3/2012), tr.60-62.
- [8] Phùng Thế Nghị, 2011. *Một số kinh nghiệm chuyển đổi đào tạo Sau đại học từ phương thức niên chế sang tín chỉ ở Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2006-2010*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 75, (tháng 12/2011), tr.22-25.

- [9] Nguyễn Hữu Cương - Vũ Thị Cẩm Tú, 2016. *Định hướng đào tạo Thạc sĩ theo hướng ứng dụng của trường Đại học Nội vụ Hà Nội và một số kinh nghiệm đào tạo Thạc sĩ ứng dụng ở các trường Đại học Australia*. Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, (tháng 7/2016), tr.69-72 và 56.
- [10] Lê Thị Phương, 2014. *Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt tại trường đại học Hồng Đức*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 103, (tháng 4/2014), tr.42-44.
- [11] Trần Thị Tuyết Oanh, 2007. *Đảm bảo chất lượng luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quản lí Giáo dục*. Tạp chí Giáo dục, Số 170, (tháng 8/2007), tr.8-10.
- [12] Hoàng Sỹ Tương, 2017. *Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo Sau đại học ngành An toàn thông tin tại Học viện Kỹ thuật mật mã*. Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội, Số 1/2017, tr.66-71.
- [13] Mai Thị Thùy Hương, 2011. *Vấn đề đào tạo nghiên cứu sinh ngành Văn hóa Nghệ thuật*. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Số 325, (tháng 7/2011), tr.8-10.
- [14] Nguyễn Thu Hà, 2017. *Vai trò của nghiên cứu khoa học đối với đào tạo Thạc sĩ trong trường đại học hiện nay ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội, Số 7/2017, tr.46-51.
- [15] Bộ Giáo dục và đào tạo, 2014. *Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ*, Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT (ngày 15/5/2014) của Bộ Giáo dục và đào tạo.

ABSTRACT

Renovation and completion of the Master's training in theoretical and methodical teaching methods of Art in the direction of quality assurance

Nguyen Thu Tuan

Faculty of Art, Hanoi National University of Education

At present, there are only two institutes in Vietnam specializing in Master's training in theoretical and methodical teaching of art, namely the Central University of Pedagogy and Art and the Faculty of Arts of the Hanoi Teachers College. This training is both new and young compared to other training disciplines, and it is rare in the universities of pedagogy. Therefore, it is necessary to have a strategy and a roadmap to implement synchronous solutions. improve the quality of training, meet the requirements of education in the context of globalization and international integration today. Based on the research of the actual situation of specialized training in the theory and method of teaching arts, the paper proposes some basic solutions to improve the training quality of this particular specialty.

Keywords: Master Training, Specialization in the Commentary and Methodology of Teaching Arts, graduate students in fine arts, Art teacher.